

Bản án số: 86/2025/KDTM-PT
Ngày: 15/4/2025
V/v Tranh chấp hợp đồng mua
bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Quỳnh Anh

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Ngọc Quyên

Bà Vũ Thị Hường

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thúy Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà
Nguyễn Bá Thu Thư - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 15 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố
Hồ Chí Minh, số 131 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Bến Thành, Quận 1,
Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh
thương mại thụ lý số 21/KDTMPT ngày 07/02/2025 về việc “Tranh chấp hợp
đồng mua bán hàng hóa”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 86/2024/KDTM-ST ngày
30/9/2024 của Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1424/2025/QĐPT-KDTM ngày
20 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn SF; địa chỉ: đường số 5,
khu công nghiệp Sông Mây, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư Thương mại Dịch vụ Q;
địa chỉ: 37 đường Vạn Kiếp, Phường 13, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư Thương mại Dịch
vụ Q kháng cáo một phần bản án sơ thẩm số 86/2024/KDTM-ST ngày
30/9/2024.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo đơn khởi kiện ngày 26/10/2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn SF do ông Đinh Hồng Q làm người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Từ ngày 09/02/2017 đến ngày 02/01/2019, giữa Công ty Trách nhiệm hữu hạn SF (sau đây viết tắt là Công ty SF) và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư Thương mại Dịch vụ Q (sau đây viết tắt là Công ty Q) có ký kết các hợp đồng mua bán hàng hóa và phụ lục hợp đồng gồm: Hợp đồng mua bán số 001/HĐMB/QB/SF ngày 09/02/2017, Hợp đồng mua bán số 002/HĐMB/QB/SF ngày 21/02/2017, Phụ lục Hợp đồng (của Hợp đồng số 02/2017 ngày 21/02/2017 Tuyến R1- R2-R4 (Phát sinh) số 02/2018/QB-SHINFUNG ngày 01/8/2018, Phụ lục Hợp đồng (của Hợp đồng số 02/2017 ngày 21/02/2017 Tuyến R1 - R2 (Phát sinh) số 01/2019/QB-SHINFUNG ngày 02/01/2019 để mua bán vật tư phụ tùng gang cầu. Công ty SF đã giao cho Công ty Q đầy đủ phụ tùng đúng như thỏa thuận tại Hợp đồng mua bán và Phụ lục hợp đồng mua bán được ký kết nêu trên cũng như thực hiện công việc bảo hành các vật tư và phụ tùng gang cầu. Dư nợ đầu kỳ mà Công ty Q còn thiếu tính đến ngày 31/12/2018 là 184.724.175 đồng. Năm 2019, Công ty SF đã tiếp tục xuất hóa đơn bán hàng cho Công ty Q với tổng số tiền 853.271.100 đồng. Thực hiện hợp đồng mua bán hàng hóa, Công ty Q đã thanh toán được tổng cộng số tiền 549.047.525 đồng. Ngày 11/01/2020, hai bên đã ký xác nhận biên bản đối chiếu công nợ. Ngày 26/6/2020, Công ty SF tiếp tục gửi thư đề nghị phía Công ty Q thanh toán nợ quá hạn cho Công ty SF. Sau đó, Công ty Q đã thanh toán thêm số tiền 66.207.225 đồng và đến năm 2021 tiếp tục thanh toán thêm số tiền 10.000.000 đồng. Tổng cộng, Công ty Q đã thanh toán cho Công ty SF số tiền 625.254.750 đồng, số tiền nợ gốc còn lại bị đơn chưa thanh toán là: $(184.724.175 \text{ đồng} + 853.271.100 \text{ đồng}) - (549.047.525 \text{ đồng} - 66.207.225 \text{ đồng} - 10.000.000 \text{ đồng}) = 412.740.525 \text{ đồng}$.

Công ty SF đã nhiều lần liên hệ yêu cầu thanh toán số tiền hàng còn thiếu nhưng Công ty Q cố tình trốn tránh. Đến ngày 31/8/2022, Công ty SF tiếp tục gửi thư yêu cầu Công ty Q thanh toán nợ quá hạn nhưng không nhận được bất kỳ phản hồi nào. Như vậy, Công ty Q đã không có thiện chí thanh toán nợ cho Công ty SF.

Do đó, Công ty SF đã làm đơn khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết:

1.1. Buộc bị đơn Công ty Q có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn Công ty SF số tiền mua hàng hóa còn nợ phát sinh từ Hợp đồng mua bán số 001/HĐMB/QB/SF ngày 09/02/2017, Hợp đồng mua bán số 002/HĐMB/QB/SF ngày 21/02/2017, Phụ lục Hợp đồng (của Hợp đồng số 02/2017 ngày 21/02/2017 Tuyến R1- R2-R4 (Phát sinh) số 02/2018/QB-SHINFUNG ngày 01/8/2018, Phụ lục Hợp đồng (của Hợp đồng số 02/2017 ngày 21/02/2017 Tuyến R1- R2 (Phát sinh) số 01/2019/QB-SHINFUNG ngày 02/01/2019 được ký kết nguyên đơn và bị đơn với tổng số tiền là 530.064.375 đồng, trong đó bao gồm: Nợ gốc: 412.740.525 đồng; tiền lãi chậm thanh toán tạm tính từ ngày 01/02/2021 đến ngày 31/8/2022 là 52.280.466 đồng; tiền lãi chậm thanh toán

tạm tính từ ngày 01/9/2022 đến 27/5/2024 là 57.353.971 đồng; tiền lãi chậm thanh toán tạm tính từ ngày 28/5/2024 đến 20/8/2024 là 7.689.413 đồng. Tiền lãi chậm thanh toán tiếp tục được tính từ ngày 21/8/2024 cho đến khi bị đơn thanh toán dứt nợ cho nguyên đơn theo mức lãi suất là 8%/năm.

1.2. Về thời hạn thanh toán: Yêu cầu Công ty Q thanh toán một lần toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi chậm thanh toán phát sinh tạm tính đến ngày 20/8/2024 là 530.064.375 đồng ngay sau khi bản án hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

1.3. Về án phí: Đề nghị Công ty Q phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm của vụ án theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/9/2024, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Đinh Hồng Quân đã có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Đồng thời, gửi bản tự khai xác nhận số tiền yêu cầu Công ty Q thanh toán tính đến ngày 30/9/2024 là: 533.780.924 đồng, trong đó tiền nợ gốc mua hàng là 412.740.525 đồng, tiền lãi chậm thanh toán là: 121.040.399 đồng (tiền lãi chậm thanh toán được tính từ ngày 01/02/2021 – là ngày kế tiếp theo ngày bị đơn xác nhận nợ - ngày 30/01/2021 theo Thư xác nhận nợ ngày 05/01/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 30/9/2024 là 1338 ngày, tương ứng số tiền chậm thanh toán là: $412.740.525 \text{ đồng} \times (8\%/\text{năm} : 365 \text{ ngày}) \times 1338 \text{ ngày} = 121.040.399 \text{ đồng}$). Công ty SF đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

2. Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư Thương mại Dịch vụ Q có ông Trần Đình Quang là người đại diện theo pháp luật đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Ngoài đơn xin sao chụp hồ sơ vụ án đề ngày 22/9/2023 nộp cho Tòa án, Công ty Q không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào khác cho Tòa án, và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty SF.

3. Tại bản án sơ thẩm đã tuyên:

3.1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn SF, cụ thể:

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư Thương mại Dịch vụ Q phải trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn SF số tiền nợ gốc và tiền lãi chậm thanh toán tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30/9/2024) phát sinh từ Hợp đồng mua bán số 001/HĐMB/QB/SF ngày 09/02/2017, Hợp đồng mua bán số 002/HĐMB/QB/SF ngày 21/02/2017, Phụ lục Hợp đồng (của Hợp đồng số 02/2017 ngày 21/02/2017 Tuyến R1- R2-R4 (Phát sinh) số 02/2018/QB-SHINFUNG ngày 01/8/2018, Phụ lục Hợp đồng (của Hợp đồng số 02/2017 ngày 21/02/2017 Tuyến R1 - R2 (Phát sinh) số 01/2019/QB-SHINFUNG ngày 02/01/2019 là 533.780.924 (năm trăm ba mươi ba triệu bảy trăm tám mươi ngàn chín trăm hai mươi bốn) đồng, trong đó: Tiền nợ gốc mua hàng là: 412.740.525

đồng; Tiền lãi chậm thanh toán tiền hàng là: 121.040.399 đồng. Thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về lãi chậm trả, án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

4. Ngày 01/11/2024, Tòa án nhân dân Quận 5 nhận được đơn kháng cáo của bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư Thương mại Dịch vụ Q kháng cáo một phần bản án sơ thẩm nêu trên, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng chấp nhận đối với yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn thanh toán tiền nợ gốc mua hàng với số tiền 412.740.525 đồng, không chấp nhận đối với yêu cầu trả tiền lãi chậm thanh toán tiền hàng vì việc bị đơn chậm thanh toán xuất phát từ lỗi của nguyên đơn.

5. Tại phiên tòa phúc thẩm:

Công ty SF và Công ty Q thống nhất thỏa thuận: Công ty Q có nghĩa vụ trả cho Công ty SF số tiền hàng còn nợ là 412.740.525 đồng bằng ba đợt; đợt 1: Ngày 29/4/2025, trả số tiền là 150.000.000 đồng; đợt 2: Ngày 29/6/2025, trả số tiền là 150.000.000 đồng; đợt 3: Ngày 29/8/2025, trả số tiền còn lại là 112.740.525 đồng. Công ty SF không yêu cầu Công ty Q trả tiền khoản tiền lãi 121.040.399 đồng.

6. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Bản án sơ thẩm số 86/2024/KDTM-ST của Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh được tuyên vào ngày 30/9/2024. Ngày 30/10/2024, bị đơn được tổng đạt hợp lệ bản án trên. Ngày 01/11/2024, Tòa án nhân dân Quận 5 nhận được đơn kháng cáo của bị đơn với nội dung yêu cầu cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm, không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tiền lãi chậm trả. Do bị đơn vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm nên thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án. Như vậy, kháng cáo của bị đơn trong thời hạn quy định tại khoản 3 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận về thời hạn.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa phía nguyên đơn Công ty SF và bị đơn công ty Q đề nghị được thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

[3] Các bên đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án, cụ thể như sau: Công ty Q có nghĩa vụ trả cho Công ty SF số tiền hàng còn nợ là 412.740.525 đồng bằng ba đợt; đợt 1: Ngày 29/4/2025, trả số tiền là 150.000.000 đồng; đợt 2: Ngày 29/6/2025, trả số tiền là 150.000.000 đồng; đợt 3: Ngày 29/8/2025, trả số tiền còn lại là 112.740.525 đồng. Xét, sự thỏa thuận của Công ty SF và Công ty Q là tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử sẽ ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về nội dung là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm do bị đơn chịu.

Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm là 2.000.000 đồng do bị đơn chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 300 và khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.
- Căn cứ vào Điều 50, Điều 55, Điều 306 của Luật Thương mại.
- Căn cứ vào các Điều 6, 7, 9 và Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.
- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 86/2024/KDTM-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

1.1. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư Thương mại Dịch vụ Q có nghĩa vụ trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn SF số tiền là 412.740.525 đồng (phát sinh từ các Hợp đồng mua bán số 001/HĐMB/QB/SF ngày 09/02/2017, số 002/HĐMB/QB/SF ngày 21/02/2017, Phụ lục hợp đồng của Hợp đồng số 02/2017 ngày 21/02/2017 Tuyến R1-R2-R4 và số 02/2018/QB-SHINFUNG ngày 01/8/2018, Phụ lục hợp đồng của Hợp đồng số 02/2017 ngày 21/02/2017 Tuyến R1-R2 và số 01/2019/QB-SHINFUNG ngày 02/01/2019) theo phương thức như sau:

- Đợt 1: Ngày 29/4/2025, trả số tiền là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng);

- Đợt 2: Ngày 29/6/2025, trả số tiền là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng);

- Đợt 3: Ngày 29/8/2025, trả số tiền còn lại là 112.740.525 đồng (một trăm mười hai triệu bảy trăm bốn mươi nghìn năm trăm hai mươi lăm đồng).

Nếu Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư Thương mại Dịch vụ Q không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo thời hạn đã thỏa thuận trên thì Công ty Trách nhiệm hữu hạn SF được quyền yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư Thương mại Dịch vụ Q trả toàn bộ số tiền nợ còn lại bằng một lần.

1.2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, thì hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư Thương mại Dịch vụ Q phải chịu 20.509.621 đồng (hai mươi triệu năm trăm lẻ chín nghìn sáu trăm hai mươi một đồng).

Hoàn lại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn SF số tiền tạm ứng án phí 11.300.420 đồng (mười một triệu ba trăm nghìn bốn trăm hai mươi đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010332 ngày 10/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư Thương mại Dịch vụ Q phải chịu là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0036458 ngày 08/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư Thương mại Dịch vụ Q đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

4. Các bên thực hiện quyền và nghĩa vụ thi hành án tại cơ quan có thẩm quyền về thi hành án dân sự.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- TAND Cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- TAND Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh;
- Cục THADS Tp. Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS Quận 5;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

Lê Thị Quỳnh Anh

